

Số: /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Giấy khen sinh viên tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết 185/NQ – HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm và Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Giấy khen cho **138** sinh viên khóa 46, khóa 47 có tên sau đây thuộc Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm, Trường Đại học Cần Thơ đạt thành tích sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc, sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi toàn khóa học 2020-2025, 2021-2025:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ; các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Kế hoạch và Tài chính, Đào tạo; Viện trưởng Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, CTSV.

Trần Ngọc Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCT, ngày / /2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
1	B2109159	Nguyễn Thanh Thảo	07/05/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,83	Xuất sắc	99	Xuất sắc
2	B2109213	Nguyễn Trường Thọ	25/01/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,83	Xuất sắc	98	Xuất sắc
3	B2109130	Phạm Thị Hồng Hạnh	03/06/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,82	Xuất sắc	91	Xuất sắc
4	B2102253	Võ Thị Huỳnh Quyên	23/10/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,81	Xuất sắc	88	Tốt
5	B2102191	Ngô Quan Huy	01/02/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,79	Xuất sắc	93	Xuất sắc
6	B2109182	Nguyễn Vũ Gia Hân	29/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,76	Xuất sắc	97	Xuất sắc
7	B2102197	Nguyễn Duy Khang	06/12/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,76	Xuất sắc	93	Xuất sắc
8	B2109191	Nguyễn Xuân Mai	19/01/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,76	Xuất sắc	90	Xuất sắc
9	B2109167	Hứa Ngọc Trâm	14/12/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,75	Xuất sắc	90	Xuất sắc
10	B2109189	Nguyễn Tấn Lộc	01/04/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,73	Xuất sắc	96	Xuất sắc
11	B2102104	Phan Thị Trúc Phương	16/10/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,72	Xuất sắc	84	Tốt
12	B2102286	Nguyễn Minh Trí	05/05/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,71	Xuất sắc	84	Tốt
13	B2102232	Dương Hoàng Yến Nhi	29/06/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,69	Xuất sắc	87	Tốt
14	B2109173	Trương Nhật Vân Anh	20/04/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,68	Xuất sắc	86	Tốt
15	B2102136	Huỳnh Nhã Trân	25/08/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,68	Xuất sắc	85	Tốt
16	B2102025	Huỳnh Ngọc Duyên	18/08/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,67	Xuất sắc	84	Tốt
17	B2109170	Nguyễn Thành Vinh	06/06/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,66	Xuất sắc	94	Xuất sắc
18	B2109180	Lê Anh Hào	24/02/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,66	Xuất sắc	94	Xuất sắc
19	B2102131	Phạm Minh Thủy Tiên	29/03/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,66	Xuất sắc	91	Xuất sắc
20	B2109129	Nguyễn Minh Hào	15/09/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,66	Xuất sắc	86	Tốt
21	B2102010	Nguyễn Hoài An	25/12/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,65	Xuất sắc	92	Xuất sắc
22	B2109163	Nguyễn Quốc Thuận	29/10/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,65	Xuất sắc	92	Xuất sắc
23	B2109220	Nguyễn Thị Kim Tuyền	20/10/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,65	Xuất sắc	91	Xuất sắc

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
24	B2109127	Nguyễn Vinh Dự	13/07/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,65	Xuất sắc	87	Tốt
25	B2109188	Từ Thị Nhã Linh	02/10/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,65	Xuất sắc	83	Tốt
26	B2102177	Nguyễn Thị Kim Giàu	13/08/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,64	Xuất sắc	95	Xuất sắc
27	B2109145	Nguyễn Minh Bảo Ngọc	23/11/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,64	Xuất sắc	94	Xuất sắc
28	B2107078	Phạm Nguyễn Tình Thương	30/06/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,64	Xuất sắc	90	Xuất sắc
29	B2109124	Tiêu Hồng Cẩm	27/04/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,64	Xuất sắc	85	Tốt
30	B2102029	Nguyễn Lý Minh Đăng	06/07/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,64	Xuất sắc	81	Tốt
31	B2102205	Cao Thị Khánh Liên	04/07/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,63	Xuất sắc	87	Tốt
32	B2109192	Lê Nguyễn Bình Minh	06/01/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,63	Xuất sắc	85	Tốt
33	B2102225	Phạm Hồng Ngọc	01/07/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,62	Xuất sắc	87	Tốt
34	B2109207	Trần Thảo Quyên	29/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,62	Xuất sắc	85	Tốt
35	B2109142	Ngô Thị Huỳnh My	10/11/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,62	Xuất sắc	81	Tốt
36	B2109209	Tiêu Yên Thành	15/12/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,61	Xuất sắc	97	Xuất sắc
37	B2109152	Huỳnh Vĩnh Phúc	09/11/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,6	Xuất sắc	88	Tốt
38	B2109175	Nguyễn Thị Ngọc Bích	03/01/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,59	Giỏi	92	Xuất sắc
39	B2109186	Lê Tấn Khải	09/05/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,59	Giỏi	85	Tốt
40	B2109131	Trần Gia Hân	13/10/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,56	Giỏi	89	Tốt
41	B2109179	Lê Thành Đạt	15/10/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,56	Giỏi	86	Tốt
42	B2102126	Huỳnh Phạm Minh Thư	18/09/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,55	Giỏi	89	Tốt
43	B2102212	Lâm Kiều Mi	21/08/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,53	Giỏi	92	Xuất sắc
44	B2102265	Phạm Thị Hồng Thắm	12/09/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,53	Giỏi	86	Tốt
45	B2109223	Ngô Hoàng Yến Vy	27/06/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,53	Giỏi	83	Tốt
46	B2102171	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/12/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,52	Giỏi	88	Tốt
47	B2102060	Trần Thị Hồng Liên	17/09/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,51	Giỏi	80	Tốt
48	B2102143	Đỗ Thị Bích Tuyền	29/08/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,5	Giỏi	92	Xuất sắc
49	B2102161	Phan Hoàng Ân	13/03/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,5	Giỏi	84	Tốt
50	B2102258	Phạm Hữu Tài	02/10/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,49	Giỏi	83	Tốt

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
51	B2109183	Nguyễn Thị Diệu Hiền	08/08/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,48	Giỏi	88	Tốt
52	B2109224	Trần Thanh Cẩm Xuân	19/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,47	Giỏi	94	Xuất sắc
53	B2102209	Hồng Tăng Ngọc Mai	12/12/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,47	Giỏi	93	Xuất sắc
54	B2102263	Mai Thu Thảo	22/06/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,46	Giỏi	96	Xuất sắc
55	B2109146	Phan Ngọc Như Ngọc	28/01/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,45	Giỏi	82	Tốt
56	B2109212	Hà Trọng Thắng	04/08/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,44	Giỏi	97	Xuất sắc
57	B2102081	Lâm Trần Xuân Nguyên	11/07/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,44	Giỏi	92	Xuất sắc
58	B2102259	Huỳnh Phương Thanh	01/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,44	Giỏi	92	Xuất sắc
59	B2102173	Nguyễn Thị Hồng Đào	31/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,44	Giỏi	85	Tốt
60	B2109177	Trần Chí Công	09/10/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,43	Giỏi	84	Tốt
61	B2102067	Nguyễn Đức Triều Minh	21/07/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,43	Giỏi	82	Tốt
62	B2102122	Nguyễn Thị Mộng Thu	31/03/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,43	Giỏi	82	Tốt
63	B2102084	Phạm Hồng Nguơng	05/03/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,42	Giỏi	88	Tốt
64	B2109214	Nguyễn Ngọc Sang Thu	23/08/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,42	Giỏi	84	Tốt
65	B2109148	Nguyễn Thị Hồng Nhi	16/05/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,42	Giỏi	84	Tốt
66	B2102132	Ngô Minh Toàn	16/10/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,41	Giỏi	81	Tốt
67	B2102181	Lê Nguyễn Gia Hân	10/12/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,39	Giỏi	88	Tốt
68	B2102264	Phạm Trần Lan Thảo	22/01/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,39	Giỏi	87	Tốt
69	B2102168	Ngô Khánh Duy	06/12/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,39	Giỏi	84	Tốt
70	B2102220	Nguyễn Trần Thúy Ngân	18/07/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,38	Giỏi	90	Xuất sắc
71	B2109203	Trần Xuân Thiên Phi	24/12/2002	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,38	Giỏi	86	Tốt
72	B2109169	Dương Thảo Uyên	13/06/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,38	Giỏi	85	Tốt
73	B2109157	Phạm Thị Sáng	01/06/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,38	Giỏi	84	Tốt
74	B2102032	Nguyễn Thị Ngọc Hà	02/08/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,38	Giỏi	80	Tốt
75	B2102162	Hồng Như Băng	27/06/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,37	Giỏi	92	Xuất sắc
76	B2109162	Nguyễn Trí Thông	19/07/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,36	Giỏi	89	Tốt
77	B2107072	Đào Thị Yến Vy	04/11/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,35	Giỏi	85	Tốt
78	B2109211	Nguyễn Ngọc Hiếu Thảo	23/08/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,34	Giỏi	92	Xuất sắc

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
79	B2102206	Huỳnh Phương Thùy Linh	08/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,33	Giỏi	83	Tốt
80	B2102248	Nguyễn Hà Phương	06/02/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,32	Giỏi	90	Xuất sắc
81	B2102275	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	30/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,32	Giỏi	88	Tốt
82	B2102043	Son Thị Hồng Hoa	23/11/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,32	Giỏi	84	Tốt
83	B2109176	Nguyễn Bảo Châu	11/05/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,32	Giỏi	84	Tốt
84	B2102026	Vũ Thị Thảo Duyên	27/12/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,31	Giỏi	87	Tốt
85	B2109200	Trịnh Yên Nhi	24/03/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,31	Giỏi	85	Tốt
86	B2102160	Quách Nguyễn Thúy Anh	25/08/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,29	Giỏi	82	Tốt
87	B2109218	Trần Thành Tới	20/10/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,28	Giỏi	98	Xuất sắc
88	B2109222	Nguyễn Hoàng Phúc Vinh	04/09/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,28	Giỏi	87	Tốt
89	B2102236	Phạm Yên Nhi	25/10/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,26	Giỏi	87	Tốt
90	B2109201	Nguyễn Thị Hiếu Như	13/11/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,26	Giỏi	86	Tốt
91	B2102158	Nguyễn Hà Trâm Anh	03/12/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,26	Giỏi	84	Tốt
92	B2109128	Nguyễn Hoàng Thành Đạt	19/08/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,25	Giỏi	92	Xuất sắc
93	B2109202	Trần Thị Nụ	01/02/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,24	Giỏi	87	Tốt
94	B2109161	Trịnh Bích Thiên	28/11/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,23	Giỏi	90	Xuất sắc
95	B2102290	Son Thị Cẩm Tú	27/12/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,22	Giỏi	84	Tốt
96	B2102031	Lê Thị Trúc Giang	28/06/2003	N	DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,22	Giỏi	80	Tốt
97	B2109199	Trần Khánh Nguyên	26/02/2003		DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,21	Giỏi	92	Xuất sắc
98	B2102052	Thang Lê Nhật Khang	18/02/2003		DA2166A1	Công nghệ sinh học	3,21	Giỏi	84	Tốt
99	B2102270	Võ Thị Cẩm Thùy	11/11/2003	N	DA2166A2	Công nghệ sinh học	3,21	Giỏi	82	Tốt
100	B2010786	Trần Lê Minh Thuận	02/11/2002		DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,79	Xuất sắc	95	Xuất sắc
101	B2002814	Lê Thị Lan	17/03/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,76	Xuất sắc	90	Xuất sắc
102	B2002827	Phạm Thành Phúc	22/09/2002		DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,75	Xuất sắc	91	Xuất sắc
103	B2010843	Trần Huỳnh Cát Tường	29/10/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,73	Xuất sắc	94	Xuất sắc

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
104	B2002833	Lưu Ngọc Thảo	05/03/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,7	Xuất sắc	94	Xuất sắc
105	B2007405	Nguyễn Minh Yên Vi	12/10/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,64	Xuất sắc	90	Xuất sắc
106	B2010826	Nguyễn Ngọc Hân	05/05/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,59	Giỏi	93	Xuất sắc
107	B2010641	Nguyễn Thị Thanh Trúc	28/02/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,59	Giỏi	90	Xuất sắc
108	B2010834	Hà Thị Nhung	14/04/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,5	Giỏi	89	Tốt
109	B2010829	Nguyễn Chí Đăng Khoa	04/06/2002		DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,48	Giỏi	93	Xuất sắc
110	B2002822	Nhâm Bội Ngọc	18/06/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,44	Giỏi	82	Tốt
111	B2002830	Nguyễn Kim Phương	30/03/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,44	Giỏi	80	Tốt
112	B2002798	Võ Hà Anh	07/05/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,41	Giỏi	96	Xuất sắc
113	B2002839	Lâm Quới Trân	07/09/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,39	Giỏi	90	Xuất sắc
114	B2002838	Huỳnh Xuân Anh Trâm	22/04/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,33	Giỏi	86	Tốt
115	B2002842	Võ Đặng Khả Tuệ	08/07/2002	N	DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,32	Giỏi	96	Xuất sắc
116	B2002815	Trần Thái Lễ	13/01/2001		DA2066T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	3,2	Giỏi	87	Tốt
117	B2107374	Lê Minh Được	23/03/2003		NN2108A1	Công nghệ thực phẩm	3,72	Xuất sắc	86	Tốt
118	B2000749	Lê Huỳnh Khánh Đoan	09/02/2002	N	NN2008A1	Công nghệ thực phẩm	3,69	Xuất sắc	85	Tốt
119	B2007770	Nguyễn Thị Huế Anh	30/07/2002	N	NN2008A2	Công nghệ thực phẩm	3,67	Xuất sắc	85	Tốt

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	XLHL	Điểm RL	XLRL
120	B2000807	Nguyễn Kim Đoan	02/02/2002	N	NN2008A2	Công nghệ thực phẩm	3,57	Giỏi	83	Tốt
121	B2007776	Võ Quỳnh Cẩm	26/07/2002	N	NN2008A5	Công nghệ thực phẩm	3,54	Giỏi	93	Xuất sắc
122	B2007775	Tô Khánh Băng	18/11/2002		NN2008A5	Công nghệ thực phẩm	3,54	Giỏi	88	Tốt
123	B2007744	Trần Thị Kim Thi	13/07/2002	N	NN2008A1	Công nghệ thực phẩm	3,46	Giỏi	84	Tốt
124	B2007766	Huỳnh Thị Hồng Xuân	21/10/2002	N	NN2008A4	Công nghệ thực phẩm	3,43	Giỏi	84	Tốt
125	B2007883	Võ Thị Thùy Dung	15/06/2002	N	NN2008A3	Công nghệ thực phẩm	3,42	Giỏi	93	Xuất sắc
126	B2007764	Lê Quỳnh Vy	12/10/2002	N	NN2008A4	Công nghệ thực phẩm	3,39	Giỏi	87	Tốt
127	B2007763	Bùi Quốc Vinh	26/01/2002		NN2008A4	Công nghệ thực phẩm	3,34	Giỏi	81	Tốt
128	B2007952	Tiêu Trọng Thịnh	04/10/2002		NN2008A6	Công nghệ thực phẩm	3,33	Giỏi	81	Tốt
129	B2000762	Neáng Srây Nắt	12/10/2002	N	NN2008A4	Công nghệ thực phẩm	3,32	Giỏi	86	Tốt
130	B2007767	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	01/03/2002	N	NN2008A4	Công nghệ thực phẩm	3,31	Giỏi	84	Tốt
131	B2000805	Thạch Dư	28/10/2001		NN2008A2	Công nghệ thực phẩm	3,28	Giỏi	84	Tốt
132	B2007735	Phan Đức Qui	08/01/2002		NN2008A1	Công nghệ thực phẩm	3,23	Giỏi	90	Xuất sắc
133	B2007822	Ngô Thảo Nguyên	13/08/2002	N	NN2008A2	Công nghệ thực phẩm	3,22	Giỏi	88	Tốt
134	B2007865	Lê Cẩm Tú	15/10/2002	N	NN2008A2	Công nghệ thực phẩm	3,22	Giỏi	83	Tốt
135	B2007701	Dương Trọng Kháng	02/05/2002		NN2008A1	Công nghệ thực phẩm	3,21	Giỏi	81	Tốt
136	B2007668	Tăng Thị Trâm Anh	23/08/2002	N	NN2008F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	3,5	Giỏi	89	Tốt
137	B2007993	Huỳnh Mai Như Ý	24/08/2002	N	NN2008F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	3,43	Giỏi	81	Tốt
138	B2007992	Nguyễn Thị Kim Xuyên	25/10/2002	N	NN2008F1	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	3,25	Giỏi	93	Xuất sắc

Danh sách có **138** sinh viên./.